

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ QUANG ĐỊNH
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhà Bè, ngày 10 tháng 7 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu học Lê Quang Định công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng					
Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	0
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	0
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	0	0	0	0
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	12.052,12	4.820,45	40,00%	147,64%
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.052,12	4.820,45	40,00%	147,64%
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.052,12	4.820,45	40,00%	147,64%
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	11.668,21	4.820,45	41,31%	171,04%
	Nguồn 13	6.637,24	3.046,87	45,91%	186,33%
6000	Tiền lương	2.799,77	1.372,49	49,02%	102,81%
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HĐ	416,15	203,88	48,99%	139,84%
6100	Phụ cấp lương	1.330,56	660,37	49,63%	85,29%
6250	Phúc lợi tập thể	2,00	0	0,00%	0,00%
6300	Các khoản đóng góp	848,30	416,34	49,08%	106,62%
6400	Các khoản thanh toán cá nhân	544,47	314,94	57,84%	94,17%
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	322,15	46,05	14,29%	141,91%
6550	Vật tư văn phòng	65,00	0	0,00%	0,00%
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	38,44	10,115	26,31%	127,71%
6700	Công tác phí	42,60	20,70	48,59%	113,11%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6750	Chi phí thuê mướn	35,00	0	0,00%	0,00%
6900	Sửa chữa, duy tu TSPVCTCM và công trình	40,00	0	0,00%	0,00%
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	67,80	0	0,00%	0,00%
7750	Chi khác	5,00	1,98	39,52%	113,78%
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị	80,00	0	0,00%	0,00%
	Nguồn 14	5.030,97	1.773,58	35,25%	0,00%
	Chi thường xuyên từ nguồn CCTL	5.030,97	1.773,58	35,25%	0,00%
6000	Tiền lương	597,25	285,55	47,81%	0,00%
6100	Phụ cấp lương	209,83	137,21	65,39%	0,00%
6300	Các khoản đóng góp	158,89	76,56	48,19%	0,00%
6400	Các khoản thanh toán cá nhân	4.065,00	1.274,25	31,35%	107,71%
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	383,91	0	0,00%	0,00%
6112	Các khoản thanh toán cá nhân	383,91	0	0,00%	0,00%
6449	Chi phụ cấp khác	-	0	0,00%	0,00%
II	Nguồn vốn viện trợ				
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				

Thủ trưởng đơn vị



Võ Thị Lại

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Tiểu học Lê Quang Định
Mã ĐVQHNS: 1006683
Mã cấp NS: 3

Ngày ký: 10/01/2024, 10:05:14
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Nhà Bè - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 2 / Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DẠ	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072	00000	0	383.910.000	0	383.910.000	383.910.000	0	0	0	0	0	383.910.000
13	072	00000	0	6.637.234.000	0	6.637.234.000	6.637.234.000	1.507.644.781	3.046.869.575	0	0	0	3.590.364.425
14	072	00000	1.363.808.703	5.030.977.000	0	5.030.977.000	6.394.785.703	1.526.626.868	1.773.577.527	0	0	0	4.621.208.176
Cộng:			1.363.808.703	12.052.121.000	0	12.052.121.000	13.415.929.703	3.034.271.649	4.820.447.102	0	0	0	8.595.482.601

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.
Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 10 tháng 7 năm 2024
Kế toán trưởng,
(Ký tên, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trang

Ngày ký: 10/01/2024, 10:05:14
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Nhà Bè - TP Hồ Chí Minh

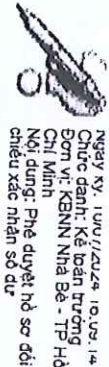
ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
Ngày 10 tháng 7 năm 2024
Kế toán trưởng,
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ký: 10/01/2024, 11:22:54
Chức danh: Thủ trưởng đơn vị
Đơn vị: Trường Tiểu học Lê Quang Định

Ngày ký: 10/01/2024, 14:15:04
Chức danh: Thủ trưởng đơn vị
Đơn vị: Trường Tiểu học Lê Quang Định



Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Tiểu học Lê Quang Định
Mã DVQHNS: 1006683
Mã cấp NS: 3



Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/DVD

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TÀI KHOẢN BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 2 / Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6001	00000	0	0	691.942.593	1.372.486.687	691.942.593	1.372.486.687
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6051	00000	0	0	101.940.000	203.880.000	101.940.000	203.880.000
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6101	00000	0	0	12.963.000	25.926.000	12.963.000	25.926.000
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6112	00000	0	0	234.624.620	461.423.609	234.624.620	461.423.609
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6113	00000	0	0	1.788.000	3.576.000	1.788.000	3.576.000
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6115	00000	0	0	85.880.765	169.445.697	85.880.765	169.445.697
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6301	00000	0	0	151.763.480	301.186.001	151.763.480	301.186.001
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6302	00000	0	0	26.781.791	53.150.470	26.781.791	53.150.470
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6303	00000	0	0	17.854.527	35.433.646	17.854.527	35.433.646
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6304	00000	0	0	8.927.264	17.716.824	8.927.264	17.716.824
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6349	00000	0	0	4.463.632	8.858.412	4.463.632	8.858.412
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6449	00000	0	0	111.354.000	314.940.000	111.354.000	314.940.000
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6501	00000	0	0	27.870.629	27.870.629	27.870.629	27.870.629
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6502	00000	0	0	8.854.560	8.854.560	8.854.560	8.854.560
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6504	00000	0	0	4.664.520	9.329.040	4.664.520	9.329.040
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6608	00000	0	0	4.915.200	10.115.300	4.915.200	10.115.300

Kinh phí được giao tự chủ	13	072	6704	00000	0	0	10.350.000	20.700.000	10.350.000	20.700.000
Kinh phí được giao tự chủ	13	072	7756	00000	0	0	706.200	1.976.700	706.200	1.976.700
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6001	00000	0	0	143.961.213	285.550.927	143.961.213	285.550.927
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6101	00000	0	0	2.697.000	5.394.000	2.697.000	5.394.000
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6112	00000	0	0	48.814.516	96.000.883	48.814.516	96.000.883
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6113	00000	0	0	372.000	744.000	372.000	744.000
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6115	00000	0	0	17.867.808	35.036.181	17.867.808	35.036.181
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6301	00000	0	0	27.969.423	55.414.806	27.969.423	55.414.806
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6302	00000	0	0	4.935.780	9.779.082	4.935.780	9.779.082
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6303	00000	0	0	3.290.520	6.519.389	3.290.520	6.519.389
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6304	00000	0	0	1.645.259	3.257.693	1.645.259	3.257.693
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6349	00000	0	0	822.630	1.629.847	822.630	1.629.847
Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	14	072	6449	00000	0	0	1.274.250.719	1.274.250.719	1.274.250.719	1.274.250.719
Phần KBNN ghi:	Cộng:				0	0	3.034.271.649	4.820.447.102	3.034.271.649	4.820.447.102

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.
Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 10 tháng 7 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trang

Người ký: Phạm Văn Tuấn
Ngày ký: 10/07/2024 16:09:14
Chức vụ: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Nhà Bè - TP Hồ Chí Minh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 10 tháng 7 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Ngọc Diệp
Ngày ký: 10/07/2024 14:54:04
Chức vụ: Trưởng Tiểu ban Kế toán Dự án
Đơn vị: Trường Tiểu học Lê Quang Đẩu

Người ký: Võ Thị Lili
Ngày ký: 10/07/2024 14:15:04
Chức vụ: Trưởng Tiểu ban Kế toán Dự án
Đơn vị: Trường Tiểu học Lê Quang Đẩu